

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LIÊN CHIỀU - TP ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 34/2021/DS-ST

Ngày: 29/9/2021

Về việc: “Tranh chấp hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Xuân Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Bình**

Ông **Ngô Văn Sỹ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thái Trâm Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXX-ST ngày 30 tháng 7 năm 2021 và Thông báo về việc hoãn phiên tòa do dịch bệnh Covid-19 số 178/TB-TA ngày 27 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S (Sacombank);** Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hoàng Thanh H** - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh hàng thương mại cổ phần Stại thành phố Đà Nẵng (*Quyết định ủy quyền số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020 của Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S*).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông **Nguyễn Hữu Minh T** - Chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng Chi nhánh hàng thương mại cổ phần Stại thành phố Đà Nẵng (*Giấy ủy quyền số 122/2021/UQ-CNĐN ngày 01/3/2021 của Giám đốc Chi nhánh hàng thương mại cổ phần S tại thành phố Đà Nẵng*) - Ông Nguyễn Hữu Minh Thịnh có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông **Trần Quốc T1** - sinh năm 1995; Địa chỉ: Số 21 N, tổ 20, phường H1, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Ông Trần Quốc T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Strinh bày:

Vào ngày 11/10/2017, ông Trần Quốc T1 có ký với Sacombank Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của ông T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T1 đã nhiều lần thực hiện giao dịch với tổng số tiền 29.996.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.348.000 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 01/3/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển T1 bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 01/3/2021, ông T1 còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

Nợ gốc	:	15.000.000 đồng
Nợ lãi trong hạn:		2.434.186 đồng
Nợ lãi quá hạn:		23.906.921 đồng
Tổng cộng	:	41.341.107 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu ông T1 có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn nhưng ông T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do vậy Sacombank yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Trần Quốc T1 phải thanh toán nợ cho Sacombank số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 01/3/2021 là 41.341.107 đồng; Trong đó nợ gốc 15.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.434.186 đồng, nợ lãi quá hạn 23.906.921 đồng. Đồng thời ông T1 phải có nghĩa vụ phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 02/3/2021 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

* Ông Trần Quốc T1 trình bày:

Vào ngày 11/10/2017, tôi có ký với Sacombank Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, tôi đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 29.996.000 đồng. Ngày 31/10/2017, tôi thanh toán được 15.348.000 đồng. Đến ngày 30/11/2017 mới đến hạn trả nợ của tôi (trả hàng tháng). Tuy nhiên, kể từ

ngày 31/10/20217 đến nay tôi không nhận được bất cứ thông tin gì của Sacombank về việc nhắc nhở yêu cầu thanh toán khoản nợ nêu trên. Như vậy, đến ngày 30/11/2017 là ngày Sacombank biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nhưng tháng 3/2021 mới khởi kiện là đã quá 03 năm. Do đó, tôi yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện trong vụ án này về tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn, tôi chỉ chấp nhận trả số tiền gốc 15.000.000 đồng, không chấp nhận trả T1 bộ tiền lãi trong hạn và quá hạn. Tuy nhiên nay tôi quá khó khăn nên tôi xin Ngân hàng cho tôi khi nào có thì tôi mới trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án này, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt, Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, Quy chế ban hành theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng để xác định lại quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”. Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Svời bị đơn ông Trần Quốc T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc*”. Do bị đơn ông Trần Quốc T1 có yêu cầu áp dụng thời hiệu trong vụ án này nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Trần Quốc T1 có đơn xin xét xử vắng nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt ông Trần Quốc T1.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Svor bị đơn ông Trần Quốc T1 thì thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ Sacombank cung cấp tại Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thể hiện:

Vào ngày 11/10/2017, ông Trần Quốc T1 có ký với Sacombank Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của ông T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T1 đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 29.996.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.348.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của Sacombank thì thấy:

Xét thấy giao dịch dân sự giữa Sacombank với ông Trần Quốc T1 là không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật để các bên ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thực hiện. Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 11/10/2017 giữa Sacombank với ông Trần Quốc T1 kèm theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Sacombank thì ông Trần Quốc T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Sacombank nên việc Sacombank khởi kiện là có cơ sở.

Tuy nhiên, theo “Tóm tắt sao kê” đối với khách hàng Trần Quốc T1 do Sacombank lập thì đến ngày 31/10/2017 ông T1 thanh toán được 15.348.000 đồng, ngày 30/11/2017 Sacombank chuyển T1 bộ khoản của khách hàng Trần Quốc T1 nợ sang nợ quá hạn. Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*. Như vậy, chiếu theo Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì ngày 30/11/2017 chính là ngày Sacombank *“biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”* nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Sacombank không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã thông báo cho ông Trần Quốc T1 về việc trễ hạn trả nợ. Theo Sacombank thì đến ngày 01/3/2018 Sacombank đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển T1 bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Sacombank không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai này là đúng và đơn khởi kiện của Sacombank đối với ông Trần Quốc T1 đề ngày 01/3/2021, đến ngày 15/3/2021 Sacombank mới gửi đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử ý thời hiệu khởi kiện vụ án đã quá 03 năm kể từ ngày Sacombank *“biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp*

pháp của mình bị xâm phạm”. Do đó, việc ông Trần Quốc T1 yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Sacombank, đồng thời ông T1 cũng không có ý kiến về khoản nợ gốc này nên có căn cứ chấp nhận phần nợ gốc trên, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tiền lãi trong hạn 2.434.186 đồng, lãi quá hạn 23.906.921 đồng, tổng tiền lãi 26.341.107 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Ông Trần Quốc T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sphải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là: 26.341.107 đồng x 5% = 1.317.055 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 1.033.527 đồng theo Biên lai thu tiền số 0009285 ngày 29/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần Sphải phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 283.528 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 184, Điều 185, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: - Khoản 2 Điều 155, khoản 1 Điều 280 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 15 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

- Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sphải đối với ông Trần Quốc T1.

1.1. Buộc ông Trần Quốc T1 phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sphải số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (kể từ ngày 30/9/2021), ông Trần Quốc T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc

chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với ông Trần Quốc T1 đối với số tiền lãi 26.341.107 đồng (Hai mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi một nghìn một trăm linh bảy đồng).

2. Về án phí:

2.1. Buộc ông Trần Quốc T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

2.2. Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Sphải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.317.055 đồng (Một triệu ba trăm mười bảy nghìn không trăm năm mươi lăm đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 1.033.527 đồng (Một triệu không trăm ba mươi ba nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tiền số 0009285 ngày 29/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Ngân hàng thương mại cổ phần S còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm còn thiếu là 283.528 đồng (Hai trăm tám mươi ba nghìn năm trăm hai mươi tám đồng).

3. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) kết quả xét xử tại nơi cư trú.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân Hương

